TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2019/HS-ST
Ngày: 22-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trịnh Thiện Trung
2/ Ông Phan Văn Tao

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 74/2019/ TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Công T**, sinh năm 1982, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: X Đường Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở trước khi bị bắt: Nhà không số, Tổ 43, Ấp Y, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Trần Công T, sinh năm 1959 và bà Mai Thị Đ, sinh năm 1964; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án: không
Tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/5/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Em **Phan Thị Thanh N**, sinh năm 2003 – *Vắng mặt*
Người giám hộ của em N là: Bà **Nguyễn Thị Ngọc N** – *Vắng mặt*
Cùng địa chỉ: 2/5 Ấp 2, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.
Người liên quan: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984
Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 43, Ấp 3, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 20/5/2019 khi Trần Công T điều khiển xe môtô biển số 59F1-65767 lưu thông trên đường Nguyễn Văn Tạo theo hướng từ Quận 7 đến xã Long Thới, huyện Nhà Bè thì phát hiện em Phan Thị Thanh N điều khiển xe môtô biển số 53Z1-1246 chở em Trần Thị Hồng Cẩm, sinh năm 2005 cũng đang lưu thông trên đường theo chiều ngược lại. Trên cổ em N có đeo một sợi dây chuyền màu vàng nên T nảy sinh ý định cướp giật sợi dây chuyền của em N. Vì vậy T đã quay lại đuổi theo em N đến Ấp 2, xã Long Thới thì T điều khiển xe môtô áp sát vào phía bên trái xe của em N và dùng tay phải nhanh chóng giật sợi dây chuyền của em N rồi tăng ga bỏ chạy. Em N đuổi theo T và truy hô để mọi người cùng truy đuổi đến cầu Phước Long thuộc phường Phú Mỹ, Quận 7 thì anh Phạm Văn Nước là người đi đường cùng đuổi theo đến đoạn đường 15B, trước công trình xây dựng Hưng Thịnh thuộc phường Phú Mỹ, Quận 7 thì anh Nước chặn đầu xe của T. T quay đầu xe lại thì em N cũng vừa đuổi đến đâm vào đuôi xe của T làm cho cả xe của T và xe của em N cũng ngã xuống đường. Em N bị xây xát nhẹ ở chân, xe của em N và xe của T cùng bị hư hỏng. Vụ việc được đưa về Công an phường Phú Mỹ, Quận 7 sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè, Trần Công T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng số 61/CT-VKS-NB ngày 14 tháng 10 năm 2019 và sau khi phân tích, luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Công T từ 03 năm đến 04 năm năm tù.

Vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

- Lưu giữ chiếc USB lưu dữ liệu camera ghi hình quá trình điều tra.
- 01 sợi dây chuyền bằng vàng có trọng lượng 1C3F99, loại vàng 610 do Trần Công T đã vứt bỏ trên đường bị truy đuổi, không thu hồi được.
- Chiếc xe môtô biển số 53Z1-1246 là tài sản hợp pháp của ông Phan Văn Tươi (Ông Tươi là bố của em Phan Thị Thanh N). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho cho ông Phan Văn Tươi là có căn cứ.
- Chiếc xe môtô biển số 59F1-65767 là tài sản hợp pháp của Trần Công T. T dùng chiếc xe này làm phương tiện dùng vào việc phạm tội, tịch thu, nộp N sách nhà nước.
- Chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen là tài sản hợp pháp của Trần Công T. Xét không liên quan đến việc phạm tội, trả lại cho bị cáo T.
- Chiếc mũ bảo hiểm màu đỏ, bị vỡ, 01 áo sơ mi tay dài, màu trắng, sọc xanh và chiếc quần dài, màu xanh thu giữ của bị cáo không còn giá trị sử dụng, tịch thu, tiêu hủy.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Tốp là vợ của bị cáo T đã bồi thường cho em N thay cho bị cáo số tiền 8.000.000 đồng bao gồm tiền bồi thường thiệt hại đối với sợi dây chuyền bị mất và thuốc điều trị vết thương.

Người bị hại đã nhận số tiền này và làm đơn bãi nại cho bị cáo. Bà Nguyễn Thị Tốp không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này và cũng không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trong bản Cáo trạng; nội dung phân tích, luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, bị cáo cho rằng mình không bị oan và trong lời nói sau cùng đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được mức hình phạt nhẹ để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

{1} Về hành vi tố tụng, thẩm quyền tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra công an huyện Nhà Bè, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố; bị cáo, bị hại, người liên quan cũng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2} Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Trần Công T đã thừa nhận vào ngày 20/5/2019 chính bị cáo đã giật sợi dây chuyền bằng vàng của em Phan Thị Thanh N và nhanh chóng tẩu thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nhà Bè ngày 31/5/2019 đã xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng có trọng lượng 1C3F99, loại vàng 610 mà bị cáo đã chiếm đoạt của em N có giá trị là 3.629.000 đồng.

Bị cáo vừa điều khiển xe gắn máy vừa cướp giật tài sản của người cũng đang điều khiển xe gắn máy lưu thông trên đường là rất nguy hiểm cho chính bị cáo, người bị hại và những người khác đang tham gia lưu thông trên đường. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè truy tố bị cáo Trần Công T về tội "Cướp giật tài sản" theo tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với toàn bộ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Công T đã phạm tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

{3} Bị cáo Trần Công T là người đã trưởng thành, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn hưởng thụ và đặc biệt là xem thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an chung.

{4} Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng mới có khả năng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tôn trọng pháp luật và để phòng ngừa chung.

Tuy nhiên: Xét tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Công T đã thành khẩn khai báo, có thái độ hối cải, có nhân thân tốt, gia đình của bị cáo đã khắc phục hậu quả cho người bị hại nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

{5} Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, cũng không có tài sản và tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát không đề nghị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

{6} Về việc xử lý vật chứng:

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng có trọng lượng 1C3F99, loại vàng 610 do Trần Công T chiếm đoạt của em N đã vứt bỏ trên đường bị truy đuổi, không thu hồi được.

- Chiếc USB lưu dữ liệu camera ghi hình là tài liệu, chứng cứ của vụ án cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chiếc xe môtô biển số 53Z1-1246 ông Phan Văn Tươi đã được nhận lại theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 29 tháng 5 năm 2019 và không có yêu cầu gì; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè đã xử lý xong. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Chiếc xe môtô biển số 59F1-65767 là tài sản do Trần Công T là chủ sở hữu. T dùng chiếc xe này để làm phương tiện dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu, nộp N sách nhà nước.

- Chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen là tài sản hợp pháp của Trần Công T. Xét không liên quan đến việc phạm tội nên cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo Trần Công T;

- Chiếc mũ bảo hiểm màu đỏ, bị vỡ, 01 áo sơ mi tay dài, màu trắng, sọc xanh và chiếc quần dài, màu xanh không còn giá trị sử dụng nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy.

{7} Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Tốp là vợ của bị cáo T đã bồi thường cho em N thay cho bị cáo số tiền 8.000.000 đồng bao gồm tiền bồi thường thiệt hại đối với sợi dây chuyền bị mất và thuốc điều trị vết thương. Người bị hại đã nhận số tiền này và làm đơn bãi nại cho bị cáo. Bà Nguyễn Thị Tốp không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này và cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

{8} Về án phí:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: **Trần Công T** phạm tội "Cướp giật tài sản".

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Công T **03 (Ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2019.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án chiếc USB lưu dữ liệu camera ghi hình;
- Tịch thu, nộp N sách nhà nước chiếc xe môtô biển số 59F1-65767;
- Trả lại cho bị cáo Trần Công T Chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen;
- Tịch thu, tiêu hủy chiếc mũ bảo hiểm màu đỏ bị vỡ, 01 áo sơ mi tay dài màu trắng sọc xanh và chiếc quần dài màu xanh.

(Theo Phiếu nhập kho ngày 03 tháng 10 năm 2019)

3. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Buộc bị cáo Trần Công T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ vào các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Thi hành án HS huyện Nhà Bè;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Long